

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 1 – ĐỀ 1****MÔN: TIẾNG ANH 5 ILEARN SMART START****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****LỜI GIẢI CHI TIẾT****Thực hiện: Ban chuyên môn Loigiaihay.com****I. Choose the word whose underlined part is pronounced differently from the rest.**

1.

A. cleaned: /kli:nd/

B. stayed: /steɪd/

C. painted: /'peɪntɪd/

Đáp án C có đuôi -ed được phát âm là /ɪd/, những từ còn lại đều có đuôi -ed được phát âm là /d/.

Đáp án: C

2.

A. planted: /'plɑ:n.tɪd/

B. baked: /beɪkt/

C. visited: /'vɪz.ɪ.tɪd/

Đáp án B có đuôi -ed được phát âm là /t/, những phương án còn lại đuôi -ed đều được phát âm là /ɪd/.

Đáp án: B

3.

A. watched: /wɒtʃt/

B. received: /rɪ'si:vɪd/

C. washed: /wɒʃt/

Đáp án B có đuôi -ed được phát âm là /d/, những phương án còn lại đuôi -ed đều được phát âm là /t/.

Đáp án: B

**II. Listen and choose suitable answers.****Bài nghe:**

1. What's her favorite holiday?

(Ngày lễ yêu thích của cô ấy là gì?)

2. Where was Lucy yesterday?

(Lucy đã ở đâu ngày hôm qua?)

3. What did you do there?

(Bạn đã làm gì ở đó?)

4. How did they get there?

(Bạn đến đó bằng cách nào?)

5. Which subject do you like?

(Bạn thích môn học nào?)

1.

**Giải thích:**

A. Yes, sure.

(Vâng, chắc chắn rồi.)

B. It's Teachers' Day.

(Hôm nay là Ngày Nhà giáo.)

C. It's on November eleventh.

(Ngày 11 tháng 11.)

Đáp án: B

What's her favorite holiday?

(Ngày lễ yêu thích của cô ấy là gì?)

It's Teachers' Day.

(Hôm nay là Ngày Nhà giáo.)

2.

**Giải thích:**

A. She was at the amusement park.

(Cô ấy ở công viên giải trí.)

B. The food was delicious.

(Đồ ăn rất ngon.)

C. The people were quiet.

(Mọi người đều im lặng.)

Đáp án: A

Where was Lucy yesterday?

*(Lucy đã ở đâu ngày hôm qua?)*

She was at the amusement park.

*(Cô ấy ở công viên giải trí.)*

3.

**Giải thích:**

A. We didn't go to the mountain.

*(Chúng tôi không đi lên núi.)*

B. We wanted to have a barbecue.

*(Chúng tôi muốn tổ chức tiệc nướng.)*

C. We sang karaoke.

*(Chúng tôi hát karaoke.)*

Đáp án: C

What did you do there?

*(Bạn đã làm gì ở đó?)*

We sang karaoke.

*(Chúng tôi hát karaoke.)*

4.

**Giải thích:**

A. No, they didn't.

*(Không, họ không đi.)*

B. They went by helicopter.

*(Họ đi bằng trực thăng.)*

C. They went to Spain last month.

*(Họ đã đến Tây Ban Nha vào tháng trước.)*

Đáp án: B

How did they get there?

*(Bạn đến đó bằng cách nào?)*

They went by helicopter.

*(Họ đi bằng trực thăng.)*

5.

**Giải thích:**

A. I like ethics.

(Tôi thích đạo đức.)

B. Because I like reading stories.

(Bởi vì tôi thích đọc truyện.)

CI always solve problems in math class.

(Tôi luôn giải bài toán trong lớp toán.)

Đáp án: A

Which subject do you like?

(Bạn thích môn học nào?)

I like ethics.

(Tôi thích đạo đức.)

**III. Choose the correct answers.**

1.

**Giải thích:**

A. go

B. went

C. going

- Cấu trúc câu khẳng định ở thì quá khứ đơn:

Chủ ngữ + động từ ở thì quá khứ + trạng từ.

- Quá khứ của “go” là “went”.

My last vacation was great. I **went** camping with my teacher and friends.

(Kì nghỉ vừa rồi của tôi rất tuyệt vời. Tôi đã đi cắm trại cùng cô giáo và các bạn.)

Đáp án: B

2.

**Giải thích:**

A. to celebrate

B. celerating

C. celebrated

Cấu trúc câu dùng hai động từ để chỉ mục đích:

What + do/does + chủ ngữ + do + động từ nguyên mẫu có “to” + tân ngữ?

What do people do **to celebrate** Lunar New Year?

(Mọi người làm gì để chào đón Tết Nguyên Đán?)

Đáp án: A

3.

**Giải thích:**

Nói về việc di chuyển bằng phương tiện gì: by + tên phương tiện

She went to Germany **by** plane.

(Cô ấy đến Đức bằng máy bay.)

Đáp án: C

4.

**Giải thích:**

A. am

B. were

C. was

- "Last night" là dấu hiệu của thì quá khứ đơn.

- Cấu trúc câu khẳng định ở thì quá khứ đơn với to be:

I **was** at the library last night. It was so quiet.

(Tôi qua tôi đã ở thư viện. Ở đó rất yên tĩnh.)

Đáp án: C

5.

**Giải thích:**

A. do

B. is

C. does

Cấu trúc câu hỏi Wh với động từ thường ở thì hiện tại đơn:

Wh + does + chủ ngữ số ít + động từ nguyên mẫu?

What time **does** your Math class start?

(Lớp Toán của bạn bắt đầu lúc mấy giờ?)

Đáp án: C

**IV. Read and choose True or False.**

I'm Zoe, and I'm from France. Last weekend, I went to Brazil with my family. We went there by plane, and it was great! We visited the city of Rio de Janeiro. We can't forget the beauty of the place. There are mountains, sea, and beaches there. My sister and I went swimming in the sea, and my parents took a lot of pictures. We also ate delicious food at a nice restaurant. That was a great time for all of us.

**Tạm dịch:**

*Mình là Zoe, đến từ Pháp. Cuối tuần trước, mình đã cùng gia đình đi Brazil. Cả nhà bay sang đó, và chuyến đi thật tuyệt! Bọn mình ghé thăm thành phố Rio de Janeiro và không thể nào quên được vẻ đẹp nơi này. Ở đó có núi non, biển cả và những bãi biển xinh đẹp. Mình và em gái đã đi bơi ở biển, còn bố mẹ thì chụp rất nhiều ảnh. Cả nhà cũng thưởng thức những món ăn ngon lành ở một nhà hàng đẹp. Đó thực sự là khoảng thời gian tuyệt vời cho tất cả chúng mình.*

1.

**Giải thích:**

They went by plane.

*(Họ đã đi bằng máy bay.)*

**Thông tin:** We went there by plane, and it was great!

*(Cả nhà bay sang đó, và chuyến đi thật tuyệt!)*

Đáp án: True

2.

**Giải thích:**

They visited Rio de Janeiro.

*(Họ ghé thăm thành phố Rio de Janeiro.)*

**Thông tin:** We visited the city of Rio de Janeiro.

*(Bọn mình ghé thăm thành phố Rio de Janeiro)*

Đáp án: True

3.

**Giải thích:**

There are mountains, sea, and beaches in Rio de Janeiro.

*(Ở Rio de Janeiro có núi, biển và những bãi biển.)*

**Thông tin:** We visited the city of Rio de Janeiro. We can't forget the beauty of the place. There are mountains, sea, and beaches there.

*(Bạn mình ghé thăm thành phố Rio de Janeiro và không thể nào quên được vẻ đẹp nơi này. Ở đó có núi non, biển cả và những bãi biển xinh đẹp.)*

Đáp án: True

4.

**Giải thích:**

Zoe and her parents went swimming in the sea.

*(Zoe và bố mẹ cô ấy đã đi bơi ở biển.)*

**Thông tin:** My sister and I went swimming in the sea, and my parents took a lot of pictures.

*(Mình và em gái đã đi bơi ở biển, còn bố mẹ thì chụp rất nhiều ảnh.)*

Đáp án: False

5.

**Giải thích:**

Zoe's family ate delicious food at a restaurant.

*(Gia đình Zoe đã ăn những món ăn ngon ở một nhà hàng.)*

**Thông tin:** We also ate delicious food at a nice restaurant.

*(Cả nhà cũng thưởng thức những món ăn ngon lành ở một nhà hàng đẹp.)*

Đáp án: True

**V. Rearrange the words to make correct sentences.**

1. Spain/ month./ last/ to/ went/ I

**Giải thích:**

Cấu trúc câu khẳng định ở thì quá khứ đơn:

Chủ ngữ + động từ ở thì quá khứ + trạng từ.

**Đáp án:** I went to Spain last month.

*(Tháng trước tôi đã đến Tây Ban Nha.)*

2. planted/ some/ Nick and Katy/ yesterday./ flowers

**Giải thích:**

Cấu trúc câu khẳng định ở thì quá khứ đơn:

Chủ ngữ + động từ ở thì quá khứ + trạng từ.

**Đáp án:** Nick and Katy planted some flowers yesterday.



(Nick và Katy đã trồng một vài bông hoa vào ngày hôm qua.)

3. runs/ fast./ Michael/ very

**Giải thích:**

- Trạng từ có thể bổ nghĩa cho động từ, tính từ và cả những trạng từ khác.

- Cấu trúc câu khẳng định ở thì hiện tại đơn:

Chủ ngữ số ít + động từ thêm -s/-es + trạng từ

**Đáp án:** Michael runs very fast.

(Michael chạy rất nhanh.)

4. movie theater/ night./ last/ at/ was/ the/ I

**Giải thích:**

Cấu trúc câu khẳng định ở thì quá khứ đơn với to be:

Chủ ngữ số ít + was + trạng từ.

**Đáp án:** I was at the movie theater last night.

(Tôi qua tôi đã ở rạp chiếu phim.)

5. had/ karaoke./ We/ sang/ and/ barbecue/ a

**Giải thích:**

Cấu trúc câu khẳng định ở thì quá khứ đơn:

Chủ ngữ + động từ ở thì quá khứ + trạng từ.

**Đáp án:** We had a barbecue and sang karaoke.

(Chúng tôi đã nướng thịt và hát karaoke.)